

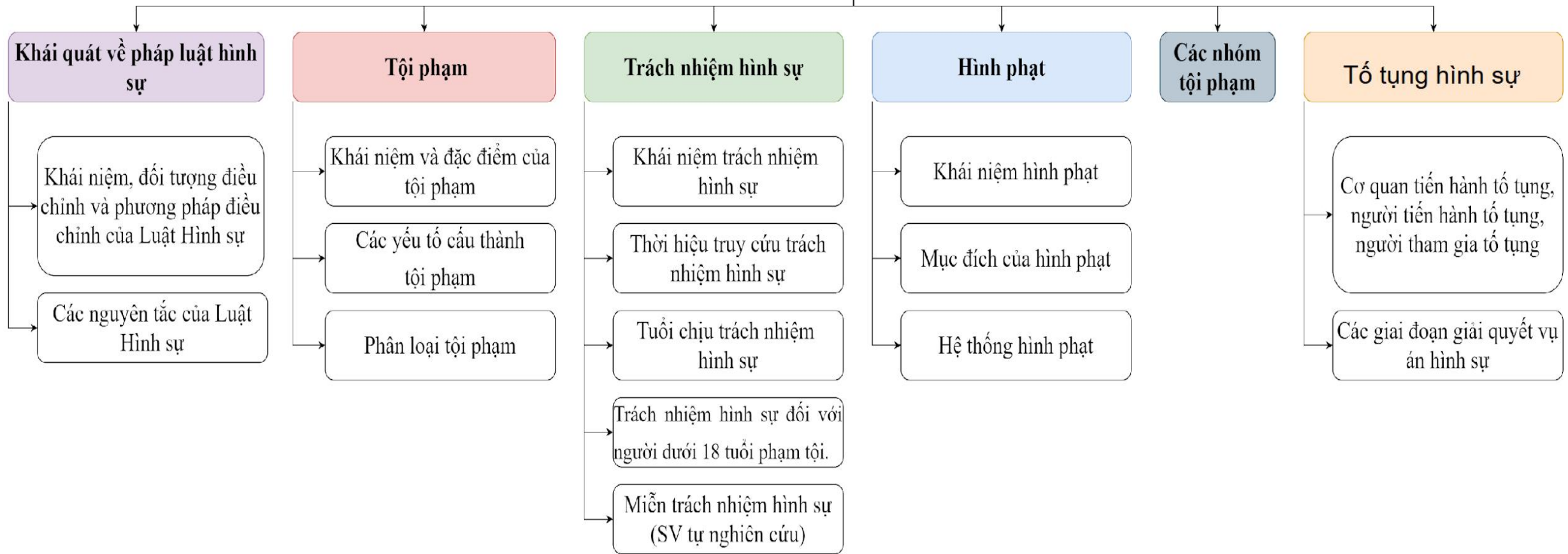
CHƯƠNG 5

PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ

GV:

Email:

CHƯƠNG 5 - PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỔ TỤNG HÌNH SỰ



5.1. Khái quát về pháp luật hình sự

5.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự

5.1.2. Các nguyên tắc của Luật Hình sự



5.1. Khái quát về pháp luật hình sự

5.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự

- **Khái niệm:** Luật Hình sự là ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam, bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật do nhà nước ban hành, xác định những hành vi nguy hiểm cho xã hội là tội phạm, đồng thời quy định hình phạt đối với tội phạm ấy.

5.1. Khái quát về pháp luật hình sự

5.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự

- *Đối tượng điều chỉnh của Luật Hình sự:* là các quan hệ xã hội phát sinh giữa nhà nước và người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội khi người này thực hiện tội phạm.

5.1. Khái quát về pháp luật hình sự

5.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự

- Đối tượng điều chỉnh của Luật Hình sự - đáp ứng được 03 yếu tố:

- (1) Tồn tại sự kiện pháp lý làm phát sinh quan hệ pháp luật hình sự.
- (2) Chủ thể của quan hệ pháp luật hình sự là Nhà nước và người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội.
- (3) Nội dung của quan hệ pháp luật hình sự là quyền, nghĩa vụ của các bên

5.1. Khái quát về pháp luật hình sự

5.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự

Chủ thể	NHÀ NƯỚC	NGƯỜI PHẠM TỘI
Quyền	<ul style="list-style-type: none"> + Truy cứu TNHS đối với người phạm tội; + Áp dụng các HP và các biện pháp xử lý HS khác đối với người phạm tội. 	<ul style="list-style-type: none"> + Yêu cầu nhà nước áp dụng các biện pháp xử lý HS trong giới hạn luật định; + Yêu cầu cơ quan nhà nước đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của mình.
Nghĩa vụ	<ul style="list-style-type: none"> + Chỉ áp dụng các HP và các biện pháp xử lý HS khác trong giới hạn luật định; + Đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của người phạm tội. 	<ul style="list-style-type: none"> + Phải chấp hành các quyết định của nhà nước về việc xử lý đối với hành vi phạm tội.

5.1. Khái quát về pháp luật hình sự

5.1.1. Khái niệm, đối tượng điều chỉnh và phương pháp điều chỉnh của Luật Hình sự

❖ Phương pháp điều chỉnh

- Xuất phát từ vai trò, vị trí của nhà nước và người, pháp nhân thương mại phạm tội trong quan hệ pháp luật hình sự; đây là mối quan hệ giữa hai loại chủ thể có sự bất bình đẳng về địa vị pháp lý nên Luật Hình sự điều chỉnh quan hệ này bằng **phương pháp quyền uy**.
- Quyền uy là phương pháp sử dụng quyền lực Nhà nước trong việc điều chỉnh các quan hệ pháp luật hình sự giữa nhà nước và người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội.

VẬN DỤNG

Quan hệ xã hội phát sinh giữa người phạm tội và bị hại khi người phạm tội thực hiện một tội phạm là đối tượng điều chỉnh của Luật Hình sự.

5.1. Khái quát về pháp luật hình sự

5.1.2. Các nguyên tắc của Luật Hình sự

- (1) Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa**
- (2) Nguyên tắc dân chủ xã hội chủ nghĩa**
- (3) Nguyên tắc nhân đạo**
- (4) Nguyên tắc kết hợp hài hòa lợi ích quốc gia và hợp tác quốc tế**
- (5) Một số nguyên tắc khác**

5.2. Tội phạm

5.2.1. Khái niệm và đặc điểm của tội phạm

5.2.2. Các yếu tố cấu thành tội phạm

5.2.3. Phân loại tội phạm



5.2. Tội phạm

5.2.1. Khái niệm và đặc điểm của tội phạm (Khoản 1 Điều 8 BLHS)

- **Tội phạm** là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự hoặc pháp nhân thương mại thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm quyền con người, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa mà theo quy định của Bộ luật này phải bị xử lý hình sự.

5.2. Tội phạm

5.2.1. Khái niệm và đặc điểm của tội phạm

❖ Đặc điểm của tội phạm

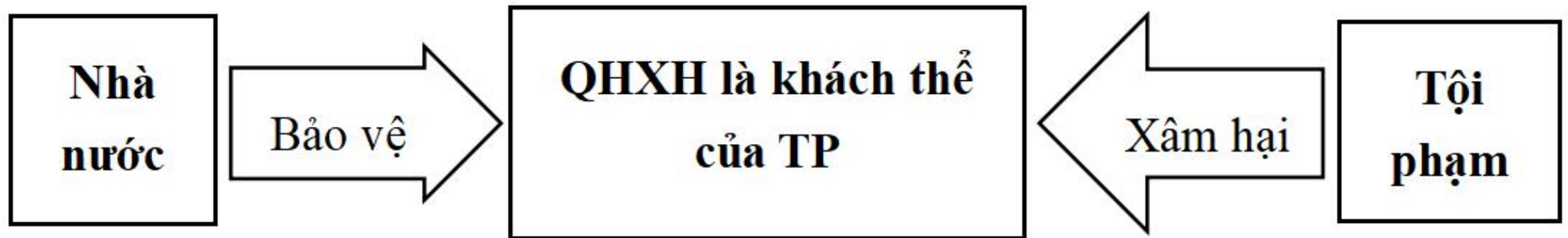
- Tính nguy hiểm cho xã hội;
- Tính trái pháp luật hình sự;
- Tính có lỗi;
- Tính phải chịu hình phạt.

5.2. Tội phạm

5.2.2. Các yếu tố cấu thành tội phạm

(1) Khách thể

- **Khái niệm:** Khách thể của tội phạm là quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại.



5.2. Tội phạm

5.2.2. Các yếu tố cấu thành tội phạm

(2) Mặt khách quan

- **Khái niệm:** Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện của tội phạm diễn ra và tồn tại bên ngoài thế giới khách quan. Cần làm rõ:

- + Các dấu hiệu, hành vi phạm tội;
- + Hậu quả nguy hiểm do hành vi phạm tội gây ra;
- + Quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội và hậu quả nguy hiểm;
- + Các dấu hiệu bên ngoài khác như: địa điểm, thời gian, hoàn cảnh phạm tội, công cụ, phương tiện phạm tội, phương pháp, thủ đoạn phạm tội,...

5.2. Tội phạm

5.2.2. Các yếu tố cấu thành tội phạm

(3) Chủ thể

- **Cá nhân:** Chủ thể là cá nhân là người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện tội phạm.

+ Năng lực TNHS: là khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của một người tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội.

+ Tuổi chịu TNHS.

5.2. Tội phạm

5.2.2. Các yếu tố cấu thành tội phạm

(3) Chủ thể

- **Pháp nhân thương mại:** Pháp nhân thương mại chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi có đủ các điều kiện sau đây:

- + Hành vi phạm tội được thực hiện nhân danh pháp nhân thương mại.
- + Hành vi phạm tội được thực hiện vì lợi ích của pháp nhân thương mại.
- + Hành vi phạm tội được thực hiện có sự chỉ đạo, điều hành hoặc chấp thuận của pháp nhân thương mại.
- + Chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

5.2. Tội phạm

5.2.2. Các yếu tố cấu thành tội phạm

(4) Mặt chủ quan

- **Khái niệm:** Mặt chủ quan của tội phạm là trạng thái tâm lý của người phạm tội đối với hành vi nguy hiểm cho xã hội do họ thực hiện và đối với hậu quả do hành vi đó gây ra cho xã hội hoặc đối với khả năng gây ra hậu quả đó.
- Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm các dấu hiệu: lỗi, động cơ, mục đích.

5.2. Tội phạm

5.2.2. Các yếu tố cấu thành tội phạm

(4) Mặt chủ quan

- Lỗi:

- + Lỗi cố ý trực tiếp;
- + Lỗi cố ý gián tiếp;
- + Lỗi vô ý phạm tội vì quá tự tin;
- + Lỗi vô ý vì cầu thả;

5.2. Tội phạm

5.2.2. Các yếu tố cấu thành tội phạm

(4) Mặt chủ quan

- **Động cơ:** Động cơ phạm tội được hiểu là động lực bên trong thúc đẩy người phạm tội thực hiện hành vi phạm tội cố ý.
- **Mục đích:** Mục đích phạm tội là kết quả trong ý thức chủ quan mà người phạm tội mong muốn đạt được khi thực hiện hành vi phạm tội.

5.2. Tội phạm

5.2.3. Phân loại tội loại

- ***Khái niệm***: Phân loại tội phạm là phân chia các tội phạm được quy định trong BLHS thành các nhóm khác nhau dựa trên cơ sở một căn cứ xác định nhằm vào những mục đích nhất định.

5.2. Tội phạm

5.2.3. Phân loại tội loại (Điều 9 BLHS)

- ***Tội phạm ít nghiêm trọng***: mức cao nhất của khung hình phạt là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm.
- ***Tội phạm nghiêm trọng***: mức cao nhất của khung hình phạt do BLHS quy định đối với tội ấy là từ trên 03 năm đến 07 năm tù.
- ***Tội phạm rất nghiêm trọng***: mức cao nhất của khung hình phạt do BLHS quy định đối với tội ấy là từ trên 07 năm tù đến 15 năm tù.
- ***Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng***: mức cao nhất của khung hình phạt do BLHS quy định đối với tội ấy từ trên 15 năm tù đến 20 năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.

1. **K1 Đ171:** “Người nào cướp giật tài sản của người khác thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”.
2. **K 1 Đ123:** “Người nào giết người thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình”.
3. A và B cùng bàn bạc, lên kế hoạch lẻn vào nhà bà C để trộm xe máy trị giá 40 triệu đồng và bị TAND Quận X tuyên phạt 03 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo Khoản 2 Điều 173 BLHS.

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.1.Khái niệm trách nhiệm hình sự

5.3.2.Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

5.3.3.Tuổi chịu trách nhiệm hình sự

5.3.4.Trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

5.3.5.Miễn trách nhiệm hình sự

(chỉ giới thiệu và hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu)

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.1.Khái niệm trách nhiệm hình sự

- *Trách nhiệm hình sự (TNHS)* là một dạng của trách nhiệm pháp lý, là hậu quả pháp lý của việc phạm tội thể hiện ở trách nhiệm của người phạm tội trước nhà nước phải chịu những tác động pháp lý bất lợi được quy định trong luật hình sự do Tòa án áp dụng theo một trình tự tổ tụng nhất định.

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.2.Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

- **Khái niệm:** Thời hiệu truy cứu TNHS là thời hạn do BLHS quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu TNHS.
- Thời hiệu truy cứu TNHS đối với từng loại tội phạm cụ thể Điều 27 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):
 - 5 năm đối với các tội ít nghiêm trọng.
 - 10 năm đối với các tội nghiêm trọng.
 - 15 năm đối với các tội rất nghiêm trọng.
 - 20 năm đối với các tội đặc biệt nghiêm trọng.

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.2.Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Lưu ý: Không áp dụng thời hiệu truy cứu TNHS đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia, các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh...Điều 28 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.3.Tuổi chịu trách nhiệm hình sự

- Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu TNHS về mọi tội phạm, trừ những tội phạm mà BLHS có quy định khác.
- Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu TNHS về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng đối với một số tội phạm cụ thể.

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.4.Trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

❖ Khái niệm người dưới 18 tuổi phạm tội

- Người dưới 18 tuổi phạm tội là người từ đủ 14 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi phạm tội.
- Thời điểm để xác định tuổi của người dưới 18 tuổi phạm tội là thời điểm họ thực hiện tội phạm chứ không phải là thời điểm phát hiện tội phạm hoặc thời điểm đưa vụ án ra xét xử.

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.4.Trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

❖ Nguyên tắc chung khi xử lý hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

- Phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.
- Phải căn cứ vào độ tuổi, khả năng nhận thức của họ về tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nguyên nhân và điều kiện gây ra tội phạm.

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.4.Trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

❖ Hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

- Hình phạt tiền:

- + Phạt tiền được áp dụng là hình phạt chính đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, nếu người đó có thu nhập hoặc có tài sản riêng.
- + Mức tiền phạt đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai mức tiền phạt mà điều luật quy định.

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.4.Trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

❖ Hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

- Cải tạo không giam giữ:

+ Áp dụng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý hoặc phạm tội ít nghiêm trọng, phạm tội nghiêm trọng hoặc người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng.

+ Khi áp dụng hình phạt này thì không khấu trừ thu nhập của người đó.

+ Thời hạn cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội không quá một phần hai thời hạn mà điều luật quy định.

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.4.Trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

❖ Hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

- Tù có thời hạn:

+ Đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 18 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá ba phần tư mức phạt tù mà điều luật quy định;

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.4.Trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

❖ Hình phạt áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

- Tù có thời hạn:

+ Đối với người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi khi phạm tội, nếu điều luật được áp dụng quy định hình phạt tù chung thân hoặc tử hình, thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá 12 năm tù; nếu là tù có thời hạn thì mức hình phạt cao nhất được áp dụng không quá một phần hai mức phạt tù mà điều luật quy định.

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.5.Miễn trách nhiệm hình sự (SV tự học)

- ❖ **Khái niệm:** Miễn TNHS là không buộc người phạm tội phải chịu TNHS về tội mà người đó đã thực hiện.
- ❖ **Các trường hợp miễn TNHS:**
 - Miễn TNHS do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Điều 16 BLHS).
 - Miễn TNHS do hết thời hiệu truy cứu TNHS (Điều 27, 28 BLHS).
 - Miễn TNHS do thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa (điểm a Khoản 1 Điều 29 BLHS).

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.5.Miễn trách nhiệm hình sự (SV tự học)

❖ Các trường hợp miễn TNHS:

- Miễn TNHS do tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội (Điều 16 BLHS).
- Miễn TNHS do hết thời hiệu truy cứu TNHS (Điều 27, 28 BLHS).
- Miễn TNHS do thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa (điểm a Khoản 1 Điều 29 BLHS).
- Miễn TNHS do chuyển biến tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa (điểm a Khoản 2 Điều 29 BLHS).

5.3.Trách nhiệm hình sự

5.3.5.Miễn trách nhiệm hình sự (SV tự học)

❖ Các trường hợp miễn TNHS:

- Miễn TNHS do người phạm tội mắc bệnh hiểm nghèo dẫn đến không còn khả năng gây nguy hiểm cho xã hội nữa (điểm b Khoản 2 Điều 29 BLHS).
- Miễn TNHS do người phạm tội tự thú, khai rõ sự việc và lập công hoặc có công hiến đặc biệt (điểm c Khoản 2 Điều 29 BLHS).
- Miễn TNHS theo đề nghị của bị hại (Khoản 3 Điều 29 BLHS).
- Miễn TNHS cho người dưới 18 tuổi phạm tội theo Khoản 4 Điều 91 BLHS.

5.4. Hình phạt

5.4.1. Khái niệm hình phạt

5.4.2. Mục đích của hình phạt

5.4.3. Hệ thống hình phạt

5.4. Hình phạt

5.4.1. Khái niệm hình phạt

- **Hình phạt** là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật hình sự, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó.



5.4. Hình phạt

5.4.2. Mục đích hình phạt

- ***Khái niệm: Mục đích của hình phạt*** là kết quả cuối cùng mà Nhà nước mong muốn đạt được khi quy định hình phạt đối với tội phạm và áp dụng hình phạt đối với người phạm tội.
- Bao gồm:
 - + Mục đích phòng ngừa chung;
 - + Mục đích phòng ngừa riêng.

5.4. Hình phạt

5.4.3. Hệ thống hình phạt

- **Khái niệm:** Hệ thống hình phạt là một chỉnh thể bao gồm các hình phạt được quy định trong BLHS, có phương thức liên kết theo một trật tự phụ thuộc vào tính chất nghiêm khắc của từng loại hình phạt.
- Bao gồm:
 - + Hình phạt chính;
 - + Hình phạt bổ sung.

5.4. Hình phạt

5.4.3. Hệ thống hình phạt

STT	Tên hình phạt	Loại hình phạt		Chủ thể bị áp dụng	
		HP chính	HP bổ sung	Cá nhân	Pháp nhân
1	Cảnh cáo	X		X	
2	Phạt tiền	X	X	X	X
3	Cải tạo không giam giữ	X		X	
4	Trục xuất	X	X	X	
5	Tù có thời hạn	X		X	
6	Tù chung thân	X		X	
7	Tử hình	X		X	
8	Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định		X	X	
9	Cấm cư trú		X	X	
10	Quản chế		X	X	
11	Tước một số quyền công dân		X	X	
12	Tịch thu tài sản		X	X	
13	Đình chỉ hoạt động có thời hạn	X			X
14	Đình chỉ hoạt động vĩnh viễn	X			X
15	Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định		X		X
16	Cấm huy động vốn		X		X

5.5. Các nhóm tội phạm theo quy định BLHS

Phần các tội phạm trong BLHS được cấu tạo bởi 14 chương (từ chương XIII đến chương XXVI) với 318 điều và được phân thành 14 nhóm tội phạm

Các tội xâm phạm an ninh quốc gia	Các tội xâm phạm chế độ quản lý chất ma túy
Các tội xâm phạm tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự	Các tội xâm phạm an toàn công cộng trật tự công cộng
Các tội xâm phạm quyền tự do dân chủ của công dân	Các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính
Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân gia đình	Các tội xâm phạm hoạt động của cơ quan, tổ chức, DN
Các tội xâm phạm quyền sở hữu tài sản trật tự quản lý kinh tế	Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp
Các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế	Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân
Các tội xâm phạm môi trường	Các tội xâm phạm hòa bình của cộng đồng thế giới

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

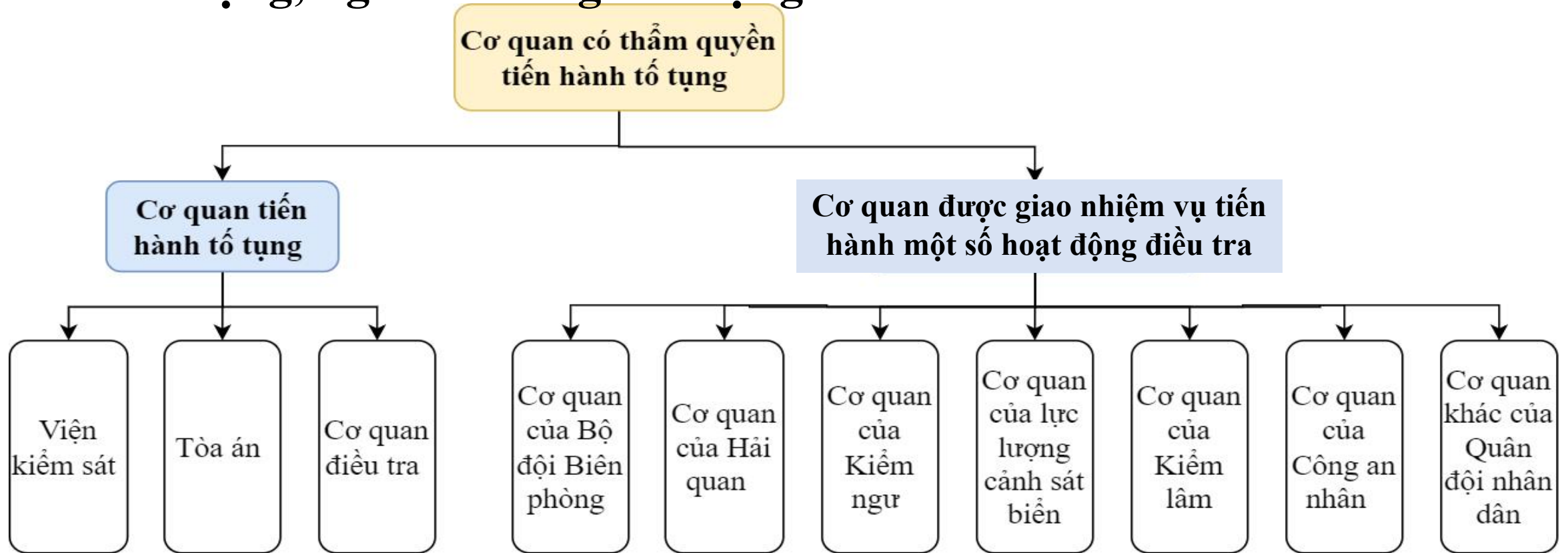
5.6.1. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự



5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng



5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng

❖ Người tiến hành tố tụng khoản 2 Điều 34 BLTTHS gồm:

- Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Cán bộ điều tra;
- Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Kiểm tra viên;
- Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên.
- Người được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra trong tố tụng hình sự tại khoản 2 Điều 35 Bộ luật Tố tụng hình sự.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

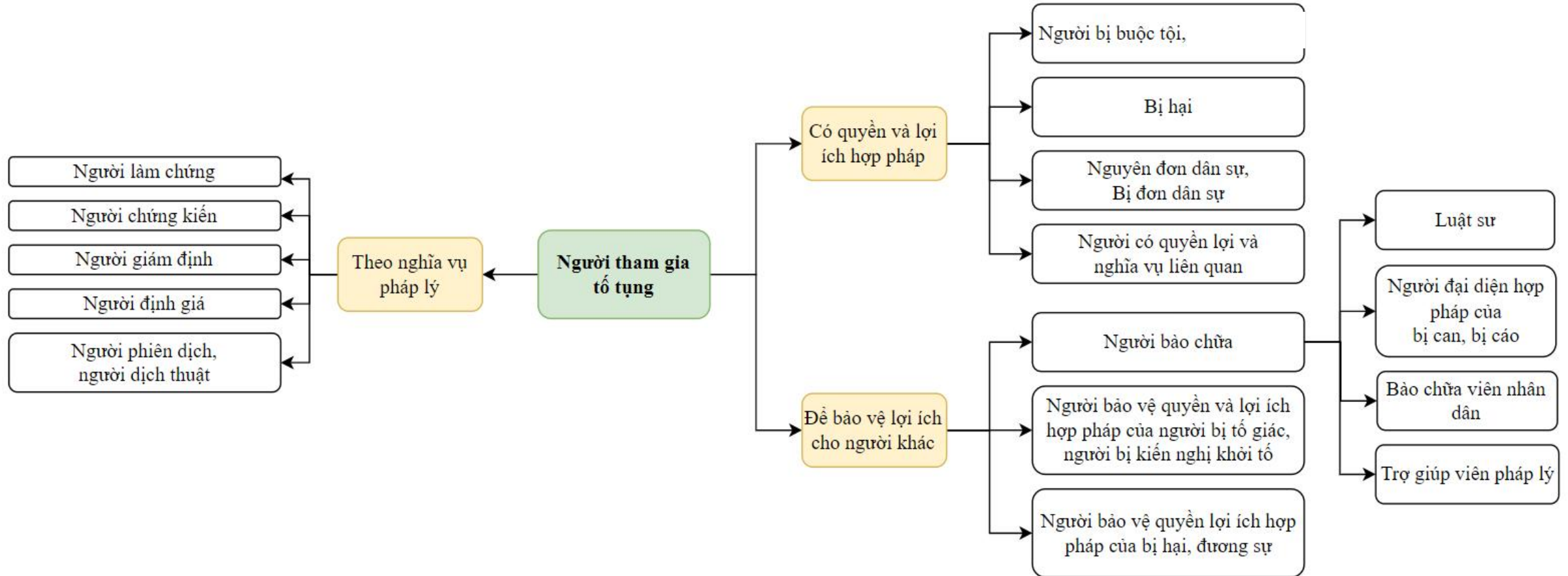
5.6.1. Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng

❖ **Người tham gia tố tụng:** Người tham gia tố tụng là cá nhân, cơ quan, tổ chức tham gia hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, bao gồm:

- Người tố giác, báo tin về tội phạm, kiến nghị khởi tố.
- Người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.
- Người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp.
- Người bị bắt.

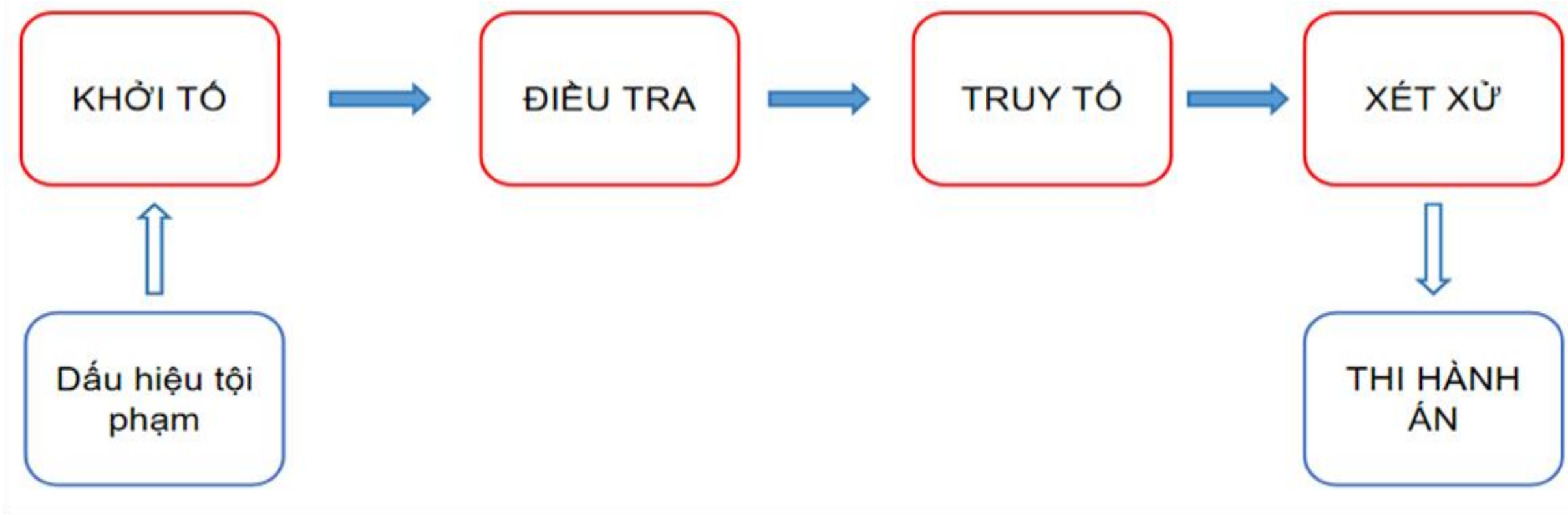
5.6. Giải quyết vụ án hình sự

❖ Người tham gia tố tụng:



5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự



5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(1) Khởi tố vụ án hình sự

-Khái niệm: Khởi tố vụ án hình sự là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng xác định có sự việc phạm tội để tiến hành điều tra phát hiện tội phạm.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(1) Khởi tố vụ án hình sự

- Cơ quan có thẩm quyền khởi tố vụ án hình sự (Điều 153) bao gồm: Cơ quan điều tra; Viện kiểm sát; Tòa án; Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.
- Một số trường hợp việc khởi tố vụ án hình sự để truy cứu trách nhiệm người phạm tội có thể gây thêm những tổn thất khác cho bị hại nên BLTTHS quy định quyền khởi tố vụ án hình sự của bị hại Điều 155 BLTTHS.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(1) Khởi tố vụ án hình sự

- Căn cứ khởi tố vụ án hình sự phải xác định:
 - + Có sự việc xảy ra;
 - + Sự việc đó có dấu hiệu của tội phạm.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(2) Điều tra vụ án hình sự

- **Khái niệm:** Điều tra vụ án hình sự là giai đoạn cơ quan có thẩm quyền áp dụng mọi biện pháp do pháp luật tổ tụng hình sự quy định để xác định tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội làm cơ sở cho việc xét xử của Tòa án.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(2) Điều tra vụ án hình sự

- Cơ quan có thẩm quyền điều tra bao gồm:

- + Cơ quan điều tra;
- + Viện kiểm sát;
- + Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(2) Điều tra vụ án hình sự

- Các biện pháp điều tra:

- + Hỏi cung bị can, lấy lời khai, đối chất, nhận dạng;
- + Khám xét, thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật;
- + Khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, xem xét dấu vết trên thân thể, thực nghiệm điều tra, giám định...

- Giai đoạn này kết thúc khi có bản kết luận điều tra và đề nghị truy tố hoặc đề nghị đình chỉ điều tra.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(3) Truy tố

- **Khái niệm:** Truy tố là việc đưa người phạm tội ra trước Tòa án để tiến hành xét xử. Giai đoạn truy tố bắt đầu từ khi Viện kiểm sát có thẩm quyền nhận được hồ sơ vụ án cùng với đề nghị truy tố của cơ quan có thẩm quyền điều tra.
- **Thẩm quyền truy tố:** Viện kiểm sát (Điều 239 BLTTHS).
- **Giai đoạn truy tố kết thúc** khi Viện kiểm sát có thẩm quyền ra quyết định truy tố bị can ra trước Tòa án hoặc ra quyết định đình chỉ vụ án hình sự.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(4) Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- Giai đoạn do tòa án có thẩm quyền thực hiện khi nhận được hồ sơ vụ án hình sự cùng với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.
- **Nhiệm vụ** của giai đoạn này là Tòa án thực hiện hoạt động xét xử để giải quyết khách quan và toàn diện VAHS mà kết quả cuối cùng là Tòa án tuyên án hoặc ra quyết định đình chỉ VAHS.
- **Hoạt động xét xử sơ thẩm** VAHS do hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(4) Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- **Thẩm quyền xét xử sơ thẩm VAHS:** Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng và tội phạm rất nghiêm trọng, trừ những tội phạm:

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(4) Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- **Thẩm quyền xét xử sơ thẩm VAHS:** Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực xét xử sơ thẩm trừ những tội phạm:

- + Các tội xâm phạm an ninh quốc gia;
- + Các tội phá hoại hoà bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh;
- + Các tội quy định tại các điều 123, 125, 126, 227, 277, 278, 279, 280, 282, 283, 284, 286, 287, 288, 337, 368, 369, 370, 371, 399 và 400 của Bộ luật hình sự;
- + Các tội phạm được thực hiện ở ngoài lãnh thổ nước Việt Nam.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(4) Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- **Thẩm quyền xét xử sơ thẩm VAHS:** Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án quân sự cấp quân khu xét xử sơ thẩm những vụ án:

+ Về các tội phạm không thuộc thẩm quyền của TAND cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực;

+ Vụ án hình sự có bị cáo, bị hại, đương sự ở nước ngoài hoặc tài sản có liên quan đến vụ án ở nước ngoài;

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(4) Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- **Thẩm quyền xét xử sơ thẩm VAHS:** Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án quân sự cấp quân khu xét xử sơ thẩm những vụ án:

+ Vụ án hình sự thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án quân sự khu vực nhưng có nhiều tình tiết phức tạp khó đánh giá, thống nhất về tính chất vụ án hoặc liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành; vụ án mà bị cáo là Thẩm phán, Kiểm sát viên, Điều tra viên, cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, người có chức sắc trong tôn giáo hoặc có uy tín cao trong dân tộc ít người.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

(4) Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự

- Tham gia phiên tòa sơ thẩm gồm những người sau đây:

- + Kiểm sát viên;
- + Bị cáo;
- + Người bào chữa;
- + Người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi liên quan đến vụ án hoặc người đại diện hợp pháp của họ;
- + Người làm chứng, người giám định.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

- Trình tự phiên tòa xét xử sơ thẩm:

- + Bắt đầu phiên tòa;
- + Xét hỏi tại phiên tòa;
- + Tranh luận tại phiên tòa;
- + Nghị án và tuyên án.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ Xét xử phúc thẩm:

- Tòa án cấp trên trực tiếp xét xử lại vụ án theo nội dung kháng cáo, kháng nghị để kiểm tra tính có căn cứ, tính hợp pháp của bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ Xét xử phúc thẩm:

-Người có quyền kháng cáo (Điều 331)

- + Bị cáo, bị hại, người đại diện của họ; Người được Tòa án tuyên không có tội.
- + Người bào chữa có quyền kháng cáo để bảo vệ lợi ích của người dưới 18 tuổi, người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất;
- + Nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người đại diện của họ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện của họ;
- + Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, đương sự là người dưới 18 tuổi hoặc người có nhược điểm về tâm thần hoặc thể chất;

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ Xét xử phúc thẩm:

- Thời hạn kháng cáo: Điều 333 BLTTHS

- +15 ngày đối với bản án sơ thẩm kể từ ngày tuyên án;
- + 07 ngày đối với quyết định sơ thẩm kể từ ngày người có quyền nhận quyết định.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ Xét xử phúc thẩm:

-Thẩm quyền kháng nghị: Điều 336 BLTTHS: Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ Xét xử phúc thẩm:

-Thời hạn kháng nghị:

+ Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 30 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án.

+ Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp đối với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là 07 ngày, của Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp là 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ Xét xử phúc thẩm:

-Hội đồng xét xử phúc thẩm được lập ra để tiến hành phiên tòa phúc thẩm, bao gồm 3 thẩm phán, trong trường hợp cần thiết có thể thêm hai Hội thẩm nhân dân.

-Phiên tòa phúc thẩm được tiến hành qua các bước sau đây: mở đầu phiên tòa; phần xét hỏi; phần tranh luận; và kết thúc phiên tòa.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ Xét xử phúc thẩm:

- Tòa án cấp phúc thẩm có quyền hạn sau đây:
 - + Không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.
 - + Sửa bản án sơ thẩm.
 - + Hủy bản án sơ thẩm.
 - + Hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại hoặc xét xử lại.
 - + Hủy bản án và đình chỉ vụ án.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án

- Giám đốc thẩm (Điều 370 BLTTHS):

Là thủ tục xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì phát hiện có sự vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong việc xử lý vụ án. Giám đốc thẩm không phải là một cấp xét xử mà là một trình tự tố tụng đặc biệt.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ **Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án**

- **Giám đốc thẩm:** Căn cứ giám đốc thẩm: Điều 371 BLTTHS

+ Kết luận trong bản án, quyết định của Tòa án không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án;

+ Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử dẫn đến sai lầm nghiêm trọng trong việc giải quyết vụ án;

+ Có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ **Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án**

- **Giám đốc thẩm:** Thẩm quyền kháng nghị: Điều 374 BLTTHS

+ Chánh án TAND tối cao, Chánh án TAND cấp cao, Chánh án TA quân sự trung ương;

+ Viện trưởng VKSND tối cao, Viện trưởng VKS cấp cao, Viện trưởng VKS quân sự quân khu.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ **Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án**

- **Giám đốc thẩm:** Thời hạn kháng nghị (Điều 379 BLTTHS):

+ Theo hướng không có lợi cho người bị kết án chỉ được tiến hành trong thời hạn 01 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

+ Theo hướng có lợi cho người bị kết án có thể được tiến hành bất cứ lúc nào, cả trong trường hợp người bị kết án đã chết mà cần minh oan cho họ.

+ Việc kháng nghị về dân sự trong vụ án hình sự đối với đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án

- **Giám đốc thẩm:** Phiên tòa giám đốc thẩm được tiến hành bởi Hội đồng xét xử. Quá trình giám đốc thẩm, Hội đồng giám đốc thẩm có quyền:

- + Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để điều tra lại hoặc
- + Hủy bản án, quyết định đang có hiệu lực pháp luật và xét xử lại hoặc
- + Hủy bản án, quyết định đang có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án

-Tái thẩm (Điều 397 BLTTHS):

Là việc tòa án có thẩm quyền xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị vì phát hiện có tình tiết mới làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án hoặc quyết định mà tòa án đã không thể biết được khi ra bản án hoặc quyết định đó.

Tái thẩm cũng không là một cấp xét xử, do vậy thời hạn, trình tự tái thẩm, thẩm quyền của Hội đồng tái thẩm về cơ bản tương tự như giám đốc thẩm.

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ **Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án**

-Tái thẩm: Căn cứ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm Điều 398 BLTTHS

+ Có căn cứ chứng minh lời khai của người làm chứng, kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, lời dịch của người phiên dịch, bản dịch thuật có những điểm quan trọng không đúng sự thật;

+ Có tình tiết mà Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm do không biết được mà kết luận không đúng làm cho bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật không đúng sự thật khách quan của vụ án;

5.6. Giải quyết vụ án hình sự

5.6.2. Các giai đoạn giải quyết vụ án hình sự

❖ **Xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án**

-Tái thẩm: Căn cứ kháng nghị theo thủ tục tái thẩm Điều 398 BLTTHS

+ Vật chứng, biên bản về hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, biên bản hoạt động tố tụng khác hoặc những chứng cứ, tài liệu, đồ vật khác trong vụ án bị giả mạo hoặc không đúng sự thật;

+ Những tình tiết khác làm cho bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật không đúng sự thật khách quan của vụ án.